

Số: 20 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú có liên quan đến bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Đơn vị bao thanh toán là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động bao thanh toán và các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán. Trường hợp bao thanh toán hợp vốn, đơn vị bao thanh toán bao gồm



cả tổ chức tín dụng nước ngoài (được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài).

2. *Đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán* là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. *Khách hàng* của đơn vị bao thanh toán bao gồm người không cư trú là tổ chức và người cư trú là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối (sau đây gọi là khách hàng):

a) Khách hàng là bên bán hàng trong trường hợp bao thanh toán bên bán hàng có cam kết hoàn trả của bên bán hàng;

b) Khách hàng là bên mua hàng trong trường hợp bao thanh toán bên bán hàng không có cam kết hoàn trả của bên bán hàng;

c) Khách hàng là bên mua hàng trong trường hợp bao thanh toán bên mua hàng.

4. *Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán* là các dịch vụ bao gồm quản lý khoản phải thu, thu nợ đối với các khoản phải thu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và tập quán thương mại về bao thanh toán.

5. *Khoản phải thu* là số tiền mà bên bán hàng có quyền nhận được từ bên mua hàng theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

6. *Số tiền bao thanh toán* là số tiền mà đơn vị bao thanh toán giải ngân cho bên bán hàng để mua lại khoản phải thu của bên bán hàng hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua hàng nhưng không vượt quá giá trị của khoản phải thu.

7. *Bên bán hàng (bao gồm cả bên xuất khẩu)* là bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và có quyền lợi hợp pháp đối với các khoản phải thu theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

8. *Bên mua hàng (bao gồm cả bên nhập khẩu)* là bên mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ và có nghĩa vụ thanh toán khoản phải thu theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

9. *Bao thanh toán bên bán hàng có cam kết hoàn trả* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc đơn vị bao thanh toán mua lại các khoản phải thu của bên bán hàng. Bên bán hàng có trách nhiệm hoàn trả số tiền bao thanh toán trong trường hợp bên mua hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho đơn vị bao thanh toán.

10. *Bao thanh toán bên bán hàng không có cam kết hoàn trả* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc đơn vị bao thanh toán mua lại các khoản phải thu của bên bán hàng. Đơn vị bao thanh toán thực hiện quyền thu hồi nợ đối với bên mua hàng. Bên bán hàng không có trách nhiệm hoàn trả số tiền bao thanh toán trong trường hợp bên mua hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho đơn vị bao thanh toán.

11. *Bao thanh toán bên mua hàng* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc đơn vị bao thanh toán ứng trước tiền thanh toán cho bên bán hàng thay cho bên mua hàng bằng việc mua lại khoản phải thu. Bên mua hàng có trách nhiệm hoàn trả số tiền ứng trước cho đơn vị bao thanh toán theo thỏa thuận.

12. *Hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ* là thỏa thuận giữa bên bán hàng và bên mua hàng về việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật (trừ quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này).

13. *Hợp đồng bao thanh toán* là thỏa thuận giữa đơn vị bao thanh toán và khách hàng nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên.

14. *Hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán* là thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán và bên liên quan khác (nếu có) nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên.

15. *Chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ* là các chứng từ liên quan đến việc yêu cầu thanh toán của bên bán hàng đối với bên mua hàng và các giấy tờ liên quan đến việc giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ trên cơ sở hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

16. *Bao thanh toán trong nước* là việc bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là người cư trú.

17. *Bao thanh toán quốc tế* là việc bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu, trong đó một bên là người cư trú, một bên là người không cư trú.

18. *Nợ bao thanh toán* là số tiền bao thanh toán và lãi bao thanh toán chưa được hoàn trả.

19. *Hoàn trả nợ bao thanh toán* là việc bên bán hàng hoặc bên mua hàng hoàn trả lại cho đơn vị bao thanh toán số tiền bao thanh toán và lãi bao thanh toán theo thỏa thuận.

20. *Thời hạn bao thanh toán* là thời hạn còn lại của khoản phải thu và thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán.

21. *Thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán* là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày kết thúc thời hạn, kỳ hạn thanh toán khoản phải thu tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đến ngày kết thúc thời hạn bao thanh toán, kỳ hạn trả nợ trừ trường hợp các bên có liên quan thỏa thuận về việc khách hàng có thể hoàn trả nợ trước ngày kết thúc thời hạn, kỳ hạn thanh toán của khoản phải thu.

22. *Kỳ hạn trả nợ* là các khoảng thời gian trong thời hạn bao thanh toán đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó bên bán hàng hoặc bên mua hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ bao thanh toán cho đơn vị bao thanh toán.

23. *Nợ bao thanh toán quá hạn* bao gồm:

a) Nợ bao thanh toán bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

b) Nợ bao thanh toán mà khách hàng không trả được nợ trước hạn khi đơn vị bao thanh toán chấm dứt bao thanh toán, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

24. *Phương án sử dụng vốn* là tập hợp các thông tin về việc sử dụng số tiền bao thanh toán của khách hàng, trong đó phải có các thông tin sau đây:

a) Giá trị tối đa của khoản phải thu, số tiền bao thanh toán tối đa, mục đích sử dụng số tiền bao thanh toán;

b) Nguồn trả nợ của khách hàng.

25. *Khả năng tài chính* là khả năng về vốn, tài sản và các nguồn tài chính hợp pháp khác của khách hàng.

Chương II **BAO THANH TOÁN**

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện bao thanh toán

1. Đơn vị bao thanh toán thực hiện bao thanh toán trên cơ sở tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp.

2. Đơn vị bao thanh toán thực hiện bao thanh toán bằng ngoại tệ trong phạm vi hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước, trên thị trường quốc tế theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đơn vị bao thanh toán tuân thủ các quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng, hạn chế cấp tín dụng và giới hạn cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Việc bao thanh toán hợp vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp tín dụng hợp vốn đối với khách hàng, quy định hiện hành về vay, trả nợ nước ngoài và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bao thanh toán hợp vốn có bên hợp vốn là tổ chức tín dụng nước ngoài và khách hàng là người cư trú, đơn vị bao thanh toán Việt Nam chỉ tham gia khi khách hàng đáp ứng quy định về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

5. Việc bao thanh toán quốc tế thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Trong trường hợp phát sinh việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài trong bao thanh toán quốc tế, đơn vị bao thanh toán tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.

6. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện bao thanh toán đối với bên mua hàng hoặc bên bán hàng là người không cư trú đáp ứng quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 5. Sử dụng ngôn ngữ

1. Hợp đồng bao thanh toán được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài hoặc đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Đơn vị bao thanh toán được thỏa thuận với khách hàng sử dụng tiếng nước ngoài trong trường hợp bao thanh toán có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Dân sự.

2. Đối với hợp đồng bao thanh toán và các tài liệu khác trong hoạt động bao thanh toán sử dụng tiếng nước ngoài, đơn vị bao thanh toán phải cung cấp bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của người đại diện hợp pháp của đơn vị bao thanh toán hoặc phải được công chứng) trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định nội bộ

1. Căn cứ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành quy định nội bộ về hoạt động bao thanh toán (bao gồm cả nội dung quy định về bao thanh toán điện tử (nếu có)) phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ, đơn vị bao thanh toán gửi 01 bản quy định nội bộ về bao thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trường hợp không được bao thanh toán

Đơn vị bao thanh toán không được bao thanh toán đối với khoản phải thu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ bị pháp luật cấm.

2. Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thời hạn còn lại của khoản phải thu từ 01 năm trở lên kể từ ngày nhận được đề nghị bao thanh toán.

3. Phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thỏa thuận không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng.

4. Phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

5. Đã được bao thanh toán hoặc đã được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ nợ khác (trừ trường hợp số tiền bao thanh toán không vượt quá giá trị của khoản

phải thu sau khi trừ đi phần giá trị đã được bao thanh toán và đã được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ khác).

6. Đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

7. Đang có tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Điều 8. Phương thức bao thanh toán

1. Bao thanh toán từng lần: Mỗi lần bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán và khách hàng thực hiện thủ tục bao thanh toán và ký kết hợp đồng bao thanh toán.

2. Bao thanh toán theo hạn mức: Đơn vị bao thanh toán xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức nợ bao thanh toán tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định và việc sử dụng hạn mức này. Mỗi năm ít nhất một lần, đơn vị bao thanh toán xem xét, xác định lại hạn mức và thời gian duy trì hạn mức này.

3. Bao thanh toán hợp vốn: Hai hay nhiều đơn vị bao thanh toán cùng thực hiện thỏa thuận bao thanh toán đối với một hoặc một số khoản phải thu, trong đó một đơn vị bao thanh toán làm đầu mối thực hiện việc tổ chức bao thanh toán hợp vốn.

Điều 9. Đồng tiền bao thanh toán, trả nợ

1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng, đồng tiền bao thanh toán là đồng tiền của khoản phải thu hoặc đồng Việt Nam.

2. Đối với bao thanh toán bên mua hàng:

a) Đồng tiền bao thanh toán là đồng Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đơn vị bao thanh toán được xem xét, quyết định bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với khoản phải thu bằng ngoại tệ phù hợp với quy định pháp luật về quản lý ngoại hối và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

(i) Bên mua hàng là người không cư trú;

(ii) Bên mua hàng là người cư trú có đủ ngoại tệ từ nguồn thu sản xuất, kinh doanh để trả nợ bao thanh toán;

(iii) Bên mua hàng là người cư trú là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công Thương giao hạn mức nhập khẩu xăng dầu hằng năm để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu xăng dầu.

3. Đồng tiền trả nợ bao thanh toán, trả phí bao thanh toán là đồng tiền bao thanh toán. Trường hợp trả nợ bao thanh toán, trả phí bao thanh toán bằng đồng tiền khác thì thực hiện theo thỏa thuận giữa đơn vị bao thanh toán và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp khi đến hạn trả nợ bao thanh toán bằng ngoại tệ, khách hàng chứng minh được do nguyên nhân khách quan dẫn đến nguồn ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng bị chậm thanh toán, khách hàng không có hoặc chưa có đủ ngoại tệ để trả nợ bao thanh toán thì được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh ngoại hối để trả nợ bao thanh toán.

Trường hợp khách hàng có nhu cầu mua ngoại tệ tại đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải bán ngoại tệ cho khách hàng. Trường hợp khách hàng mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán ngoại tệ phải chuyển số ngoại tệ đó cho đơn vị bao thanh toán. Khách hàng phải bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã bán ngoại tệ cho khách hàng trong trường hợp có nguồn thu bằng ngoại tệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó yêu cầu.

Điều 10. Lãi suất và phí bao thanh toán

1. Lãi suất và phí bao thanh toán do đơn vị bao thanh toán và bên mua hàng hoặc bên bán hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp thực hiện bao thanh toán hợp vốn, các bên tham gia bao thanh toán hợp vốn thỏa thuận mức phí bao thanh toán cho mỗi bên hợp vốn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi đến hạn mà nợ bao thanh toán không được trả hoặc trả không đầy đủ theo thỏa thuận thì bên mua hàng hoặc bên bán hàng phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên số tiền bao thanh toán chưa được hoàn trả theo lãi suất bao thanh toán đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn bao thanh toán mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp bên mua hàng hoặc bên bán hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do đơn vị bao thanh toán và bên mua hàng hoặc bên bán hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp số tiền bao thanh toán bị chuyển nợ quá hạn thì bên mua hàng hoặc bên bán hàng phải trả lãi trên số tiền bao thanh toán quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất bao thanh toán trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

3. Trường hợp áp dụng lãi suất bao thanh toán điều chỉnh, đơn vị bao thanh toán và bên mua hàng hoặc bên bán hàng phải thỏa thuận nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh lãi suất bao thanh toán. Trường hợp căn cứ các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh dẫn đến có nhiều mức lãi suất bao thanh toán khác nhau thì đơn vị bao thanh toán áp dụng mức lãi suất bao thanh toán thấp nhất.

Điều 11. Điều kiện bao thanh toán đối với khách hàng

Đơn vị bao thanh toán xem xét, quyết định bao thanh toán khi khách hàng đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng:

a) Trường hợp bên bán hàng là người cư trú có cam kết hoàn trả:

(i) Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

(ii) Có mục đích sử dụng vốn hợp pháp;

(iii) Có khả năng tài chính để trả nợ;

(iv) Có phương án sử dụng vốn khả thi;

b) Trường hợp bên bán hàng là người cư trú không có cam kết hoàn trả và bên mua hàng là người cư trú thì bên mua hàng phải đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp bên bán hàng là người cư trú không có cam kết hoàn trả và bên mua hàng là người không cư trú thì bên mua hàng phải đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này và một trong các điều kiện sau:

(i) Bên mua hàng là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư hoặc dưới hình thức đầu tư khác quy định điểm d khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư;

(ii) Một phần hoặc toàn bộ giá trị khoản phải thu được bảo đảm thanh toán bởi bên thứ ba là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc được bảo hiểm bởi bên thứ ba, hoặc được bảo đảm bằng tiền của khách hàng và/hoặc của bên thứ ba tại đơn vị bao thanh toán. Trường hợp khoản phải thu chỉ được bảo đảm hoặc bảo hiểm một phần, số tiền bao thanh toán tối đa bằng tổng giá trị khoản phải thu được bảo đảm, bảo hiểm;

d) Trường hợp bên bán hàng là người không cư trú có cam kết hoàn trả thì bên bán hàng phải đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này và một trong các điều kiện sau:

(i) Bên bán hàng là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động ở nước ngoài có vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức đầu tư quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư hoặc dưới hình thức đầu tư khác quy định điểm d khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư;

(ii) Đáp ứng điều kiện tại tiết (ii) điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Trường hợp bên bán hàng là người không cư trú không có cam kết hoàn trả thì bên mua hàng là người cư trú phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đối với bao thanh toán bên mua hàng:

a) Bên mua hàng là người cư trú đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bên mua hàng là người không cư trú đáp ứng các điều kiện tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị bao thanh toán

1. Khi có nhu cầu bao thanh toán, khách hàng phải gửi cho đơn vị bao thanh toán hồ sơ đề nghị bao thanh toán, bao gồm:

a) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện bao thanh toán theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và các tài liệu khác do đơn vị bao thanh toán hướng dẫn, tối thiểu gồm:

(i) Bản gốc hợp đồng, chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hoặc bản sao hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, bảng kê chứng từ mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận về biện pháp đảm bảo tính chính xác, trung thực, đầy đủ của bản sao hoặc bảng kê so với bản gốc; hoặc

(ii) Thông tin, dữ liệu về việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới dạng thông điệp dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan;

b) Thông tin về người có liên quan với khách hàng là người cư trú theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng nếu tổng mức dư nợ cấp tín dụng của khách hàng đó tại đơn vị bao thanh toán (bao gồm cả số tiền bao thanh toán đang đề nghị cấp tín dụng) lớn hơn hoặc bằng 0,1% vốn tự có tại thời điểm gần nhất của đơn vị bao thanh toán là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (riêng đối với đơn vị bao thanh toán là công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính bao thanh toán thì tỷ lệ này áp dụng là 0,5%), trường hợp đơn vị bao thanh toán có vốn tự có âm, tỷ lệ trên được áp dụng trên vốn điều lệ hoặc vốn được cấp (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài); thông tin về người có liên quan với khách hàng là người không cư trú khi người có liên quan đang được đơn vị bao thanh toán cấp tín dụng. Thông tin về người có liên quan gồm:

(i) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên, số định danh cá nhân đối với công dân Việt Nam; quốc tịch, số hộ chiếu, số thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh; ngày cấp, nơi cấp đối với người không cư trú; mối quan hệ với khách hàng;

(ii) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; thông tin về người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại tiết (i) điểm b khoản 1 Điều này, mối quan hệ với khách hàng;

c) Các tài liệu khác do đơn vị bao thanh toán hướng dẫn.

2. Khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời, cập nhật khi có sự thay đổi thông tin, tài liệu, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này cho đơn vị bao thanh toán trong quá trình cấp tín dụng và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.

Điều 13. Bảo đảm cho hoạt động bao thanh toán

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm do đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận. Việc thỏa thuận về biện pháp bảo đảm của đơn vị bao thanh toán với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng, bên bảo đảm phải phối hợp với đơn vị bao thanh toán để xử lý biện pháp bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo hợp đồng bao thanh toán, thỏa thuận về biện pháp bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Yêu cầu đối với đơn vị bao thanh toán

1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng có cam kết hoàn trả của bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện yêu cầu sau đây:

a) Thỏa thuận với bên bán hàng về việc gửi văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản thông báo bao thanh toán cho bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có). Thông báo tối thiểu bao gồm nội dung chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với khoản phải thu giữa bên bán hàng và đơn vị bao thanh toán và đề nghị bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) thực hiện thanh toán cho đơn vị bao thanh toán;

b) Nếu bên bán hàng không có thông báo theo quy định tại điểm a khoản này, đơn vị bao thanh toán chỉ được thực hiện bao thanh toán đối với bên bán hàng trong trường hợp đơn vị bao thanh toán và bên bán hàng thỏa thuận về biện pháp để đơn vị bao thanh toán kiểm soát được các khoản thanh toán của bên mua hàng hoặc bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có) cho bên bán hàng.

2. Đối với bao thanh toán bên bán hàng không có cam kết hoàn trả của bên bán hàng và bao thanh toán bên mua hàng: Đơn vị bao thanh toán chỉ được thực hiện khi bên bán hàng đồng ý bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản về việc chuyển giao quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khoản phải thu cho đơn vị bao thanh toán; bên mua hàng có cam kết về việc sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cho đơn vị bao thanh toán.

Điều 15. Thẩm định và quyết định bao thanh toán

1. Đối với bao thanh toán bên bán hàng, đơn vị bao thanh toán thực hiện:

a) Trường hợp có cam kết hoàn trả của bên bán hàng cho đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện bao thanh toán của bên bán hàng theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Trường hợp không có cam kết hoàn trả của bên bán hàng cho đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện

bao thanh toán của bên mua hàng theo quy định tại điểm b, c, đ khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Đối với bao thanh toán bên mua hàng, đơn vị bao thanh toán phải thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện bao thanh toán của bên mua hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Đơn vị bao thanh toán phải tổ chức xét duyệt bao thanh toán theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định bao thanh toán. Trong quá trình thẩm định, đơn vị bao thanh toán được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các kênh thông tin khác.

Điều 16. Hợp đồng bao thanh toán

1. Hợp đồng bao thanh toán phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan, trường hợp là hợp đồng dưới hình thức thông điệp dữ liệu điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về các bên trong quan hệ bao thanh toán;
- b) Giá trị tối đa của khoản phải thu, số tiền bao thanh toán tối đa, hạn mức bao thanh toán đối với bao thanh toán theo hạn mức;
- c) Mục đích sử dụng số tiền bao thanh toán;
- d) Đồng tiền bao thanh toán, đồng tiền trả nợ bao thanh toán, trả phí;
- đ) Phương thức bao thanh toán;
- e) Thời hạn bao thanh toán, thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán, thời hạn duy trì hạn mức bao thanh toán (với phương thức bao thanh toán theo hạn mức);
- g) Lãi bao thanh toán (bao gồm cả lãi suất áp dụng đối với số tiền bao thanh toán quá hạn), phí bao thanh toán;
- h) Việc hoàn trả nợ bao thanh toán, thứ tự thu hồi số tiền bao thanh toán, lãi bao thanh toán chưa được hoàn trả, trả nợ bao thanh toán trước hạn;
- i) Chuyển nợ quá hạn đối với nợ bao thanh toán;
- k) Xử lý nợ;
- l) Trách nhiệm gửi thông báo cho bên mua hàng hoặc bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có);
- m) Quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó, bên bán cam kết không sử dụng khoản phải thu để đảm bảo nghĩa vụ nợ khác hoặc cho mục đích cấp tín dụng khác mà không có sự đồng ý của đơn vị bao thanh toán;
- n) Xử lý tranh chấp;
- o) Hiệu lực của hợp đồng bao thanh toán;
- p) Các nội dung khác không trái với quy định của pháp luật.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng bao thanh toán do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xác định thời hạn bao thanh toán, kỳ hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn

1. Thời hạn bao thanh toán, kỳ hạn trả nợ được xác định trên cơ sở thời hạn, kỳ hạn thanh toán còn lại của khoản phải thu tại hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán. Thời hạn bao thanh toán do đơn vị bao thanh toán và khách hàng thỏa thuận tại hợp đồng bao thanh toán nhưng phải dưới 01 năm.

2. Đơn vị bao thanh toán chuyển nợ quá hạn đối với phần nợ bao thanh toán mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận. Đơn vị bao thanh toán phải thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn, trong đó nội dung thông báo tối thiểu bao gồm nợ bao thanh toán quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với nợ bao thanh toán quá hạn. Thời điểm tính nợ quá hạn bao thanh toán kể từ ngày kết thúc thời hạn bao thanh toán.

3. Đối với nợ bao thanh toán bị quá hạn trả nợ, đơn vị bao thanh toán thực hiện thu số tiền bao thanh toán trước, thu lãi sau.

Điều 18. Phương thức giải ngân

1. Đơn vị bao thanh toán thực hiện giải ngân vào tài khoản của bên bán hàng do bên bán hàng chỉ định.

2. Đơn vị bao thanh toán phải mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tại Việt Nam để thực hiện giải ngân, thu hồi nợ bao thanh toán, phí bao thanh toán quốc tế theo các nguyên tắc sau:

a) Tài khoản thanh toán quy định tại khoản này là tài khoản thanh toán chuyên dùng cho mục đích bao thanh toán đảm bảo không trái với quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đơn vị bao thanh toán không được sử dụng tài khoản này để chuyển tiền, nhận tiền từ giao dịch không phát sinh từ hoạt động bao thanh toán;

b) Mỗi khoản bao thanh toán quốc tế chỉ được thực hiện thông qua 01 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Đơn vị bao thanh toán có thể dùng 01 tài khoản quy định tại khoản này cho 01 hoặc nhiều khoản bao thanh toán quốc tế;

c) Trường hợp đồng tiền trả nợ bao thanh toán, trả phí bao thanh toán khác với đồng tiền bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán có thể mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dùng khác nếu đảm bảo nguyên tắc quy định tại điểm a và b khoản này;

d) Đơn vị bao thanh toán có trách nhiệm ghi rõ và đề nghị khách hàng ghi rõ mục đích chuyển tiền liên quan đến bao thanh toán để tổ chức cung ứng dịch vụ

thanh toán qua tài khoản có thông tin thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Đơn vị bao thanh toán là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thực hiện bao thanh toán quốc tế không bắt buộc phải mở tài khoản thanh toán chuyên dùng tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam để chuyển tiền giải ngân, thu hồi nợ bao thanh toán với người không cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều này và có trách nhiệm thực hiện việc theo dõi các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động bao thanh toán theo đúng các quy định pháp luật về hạch toán, kế toán đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản tại Việt Nam nơi đơn vị bao thanh toán mở tài khoản thanh toán chuyên dùng để giải ngân, thu hồi nợ bao thanh toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu do đơn vị bao thanh toán xuất trình theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm báo cáo về tình hình thực hiện thu hồi nợ nước ngoài dưới hình thức bao thanh toán quốc tế theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Chấm dứt bao thanh toán, xử lý nợ, miễn, giảm lãi, phí bao thanh toán

1. Đơn vị bao thanh toán có quyền chấm dứt bao thanh toán, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện bên bán hàng, bên mua hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong hợp đồng bao thanh toán, thỏa thuận về biện pháp bảo đảm. Khi thực hiện chấm dứt bao thanh toán, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán phải thông báo cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng về việc chấm dứt bao thanh toán, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt bao thanh toán, nợ bao thanh toán bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả nợ bao thanh toán bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với nợ bao thanh toán bị thu hồi trước hạn, việc chuyển trả lại khoản phải thu đối với bên bán hàng hoặc bên mua hàng.

2. Trường hợp bên bán hàng hoặc bên mua hàng không trả được nợ đến hạn, đơn vị bao thanh toán có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo hợp đồng bao thanh toán, thỏa thuận về biện pháp bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với đơn vị bao thanh toán, bên bán hàng hoặc bên mua hàng có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ bao thanh toán và phí (nếu có) cho đơn vị bao thanh toán.

3. Trường hợp bên bán hàng hoặc bên mua hàng hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, việc thu hồi nợ của đơn vị bao thanh toán đối với khách hàng, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Đơn vị bao thanh toán có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng theo quy định nội bộ của đơn vị bao thanh toán.

Điều 20. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Đơn vị bao thanh toán và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đơn vị bao thanh toán hoặc khách hàng không thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng bao thanh toán.

Điều 21. Phân loại, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng

Đơn vị bao thanh toán thực hiện việc phân loại, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với hoạt động bao thanh toán theo quy định của pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trường hợp không có cam kết hoàn trả của bên bán hàng cho đơn vị bao thanh toán, đơn vị bao thanh toán thực hiện phân loại, trích lập dự phòng đối với bên mua hàng.

Điều 22. Hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử

1. Đơn vị bao thanh toán và khách hàng được lựa chọn thực hiện bao thanh toán qua việc sử dụng các phương tiện điện tử (sau đây gọi là bao thanh toán điện tử). Việc thực hiện bao thanh toán điện tử phải phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, quy định về giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khi thực hiện nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng qua phương tiện điện tử đối với khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với đơn vị bao thanh toán (trừ trường hợp khách hàng gửi thông tin, dữ liệu bằng điện xác thực thông qua hệ thống SWIFT hoặc khách hàng sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật), đơn vị bao thanh toán thực hiện như sau:

a) Đối với khách hàng là người cư trú: Đơn vị bao thanh toán thực hiện nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

b) Đối với khách hàng là người không cư trú: Đơn vị bao thanh toán thực hiện nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng trên cơ sở tự đánh giá mức độ rủi ro để lựa chọn, quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ xác thực giao dịch điện tử phù hợp, đảm bảo an toàn và tự chịu rủi ro phát sinh.

3. Đơn vị bao thanh toán tự quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ thực hiện bao thanh toán điện tử đối với toàn bộ hoặc từng khâu trong quy trình nghiệp vụ, tự chịu rủi ro phát sinh (nếu có) và phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Biện pháp, hình thức, công nghệ được đơn vị bao thanh toán lựa chọn phải đảm bảo tiêu chuẩn về an ninh, an toàn, bảo mật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Áp dụng các hình thức xác thực giao dịch điện tử để xác nhận việc khách hàng chấp thuận với đơn vị bao thanh toán khi thực hiện các giao dịch điện tử trong quá trình thực hiện bao thanh toán điện tử theo quy định của pháp luật liên quan.

c) Lưu trữ, bảo quản đầy đủ, chi tiết đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng trong quá trình thực hiện bao thanh toán điện tử. Các thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ an toàn, bảo mật, được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác thực khách hàng trong quá trình thực hiện bao thanh toán điện tử; giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. Thời gian lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu bao thanh toán điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và Luật Giao dịch điện tử;

d) Đơn vị bao thanh toán phải thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, bảo mật của biện pháp, hình thức, công nghệ và thực hiện tạm dừng cung cấp dịch vụ để nâng cấp, chỉnh sửa, hoàn thiện trong trường hợp có dấu hiệu mất an toàn;

đ) Phân công trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân, bộ phận xây dựng, thiết lập và vận hành hệ thống thông tin phục vụ khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng trong hoạt động bao thanh toán điện tử. Trường hợp có rủi ro phát sinh, đơn vị bao thanh toán phải có cơ chế để xác định từng cá nhân, bộ phận chịu trách nhiệm và xử lý kịp thời các vấn đề, rủi ro phát sinh để đảm bảo hiệu quả, an toàn trong quá trình thực hiện bao thanh toán điện tử.

4. Hệ thống thông tin thực hiện bao thanh toán điện tử phải tuân thủ theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bao thanh toán

1. Đơn vị bao thanh toán có quyền sau đây:

a) Nhận quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khoản phải thu theo thỏa thuận;

b) Thuê đơn vị bao thanh toán khác hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;

c) Yêu cầu khách hàng và các bên liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan để thực hiện việc thẩm định bao thanh toán;

d) Yêu cầu khách hàng và các bên liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến biện pháp bảo đảm trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm;

đ) Theo dõi thu hồi nợ bao thanh toán, thu phí bao thanh toán, điều chỉnh phí bao thanh toán, điều chỉnh lãi suất, lãi chậm trả;

e) Từ chối thực hiện bao thanh toán khi hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không hợp lệ hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ, tài liệu xuất trình là giả mạo;

g) Yêu cầu bên bán hàng hoặc bên mua hàng hoàn trả nợ bao thanh toán theo thỏa thuận;

h) Kiểm tra, giám sát việc trả nợ của bên bán hàng hoặc bên mua hàng;

i) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bao thanh toán có nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến thẩm quyền quyết định bao thanh toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin;

b) Thực hiện lưu trữ hồ sơ bao thanh toán theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của đơn vị bao thanh toán;

c) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Khách hàng có các quyền sau đây:

a) Mua ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép khi thực hiện nghĩa vụ theo cam kết để trả nợ bao thanh toán;

b) Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khách hàng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến khoản phải thu; bảo đảm khoản phải thu không được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ nợ khác và không có tranh chấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và hợp lệ của các thông tin, tài liệu, dữ liệu, hồ sơ, chứng từ đã cung cấp;

b) Chuyển giao quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến khoản phải thu theo thỏa thuận;

c) Thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ, trách nhiệm đã cam kết tại hợp đồng bao thanh toán;

d) Sử dụng vốn cho mục đích hợp pháp và trả nợ theo nội dung thỏa thuận;

đ) Phối hợp với đơn vị bao thanh toán và các bên liên quan trong quá trình thực hiện biện pháp bảo đảm (nếu có);

e) Gửi thông báo bao thanh toán cho bên mua hàng và bên liên quan khác có nghĩa vụ (nếu có);

g) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

DỊCH VỤ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BAO THANH TOÁN

Điều 25. Nguyên tắc thực hiện dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán

1. Việc cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan tới bao thanh toán giữa đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán và các bên liên quan phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và tập quán thương mại về bao thanh toán không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Việt Nam.

2. Việc cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Điều 26. Các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán được cung cấp cho đơn vị bao thanh toán, khách hàng các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Phí cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán do đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán và các bên liên quan thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 27. Hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài, hoặc đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán được thỏa thuận với đơn vị bao thanh toán và các bên liên quan khác (nếu có) về việc sử dụng tiếng nước ngoài trong trường hợp thực hiện cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Dân sự.

Đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán và các tài liệu khác trong hoạt động cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán sử dụng tiếng nước ngoài, đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán phải cung cấp bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của người đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán hoặc phải được công chứng) trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hợp đồng cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán phải có tối thiểu các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ của đơn vị bao thanh toán, đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán và các bên liên quan (nếu có);
- b) Các thông tin liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ và các thông tin liên quan khác để có đủ căn cứ thực hiện bao thanh toán và cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
- c) Phạm vi, nội dung cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
- d) Phí cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
- đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- e) Xử lý tranh chấp.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến bao thanh toán có thể có các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán

Đơn vị cung cấp dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV BÁO CÁO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Hạch toán kế toán, thông tin báo cáo, lưu trữ hồ sơ

- 1. Đơn vị bao thanh toán thực hiện hạch toán kế toán đối với hoạt động bao thanh toán theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ hạch toán kế toán.
- 2. Đơn vị bao thanh toán thực hiện báo cáo tình hình thực hiện bao thanh toán theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.
- 3. Đơn vị bao thanh toán thực hiện lưu trữ hồ sơ bao thanh toán theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, thời hạn lưu trữ hồ sơ bao thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 30. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

- 1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:
 - a) Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện bao thanh toán của đơn vị bao thanh toán;
 - b) Đầu mối xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến hoạt động bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực hiện công tác kiểm tra (trừ quy định về quản lý ngoại hối) đối với hoạt động bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán phù hợp với chức năng nhiệm vụ.

2. Vụ Quản lý ngoại hối có trách nhiệm:

a) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình thực hiện bao thanh toán cho người không cư trú;

b) Đầu mối xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến việc thực hiện bao thanh toán cho người không cư trú, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động bao thanh toán;

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực hiện công tác kiểm tra các quy định về quản lý ngoại hối đối với việc thực hiện bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán cho người không cư trú theo quy định về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiền tệ, ngân hàng.

3. Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện chế độ hạch toán kế toán đối với các giao dịch liên quan đến bao thanh toán và dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán theo quy định tại Thông tư này.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động bao thanh toán và các dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán của các ngân hàng và xử lý các vi phạm phát sinh theo thẩm quyền.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện giám sát, kiểm tra, thanh tra các đơn vị bao thanh toán trong việc chấp hành Thông tư này theo thẩm quyền.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng bao thanh toán được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, đơn vị bao thanh toán và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết cho đến hết thời hạn hợp đồng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng bao thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 02/2017/TT-NHNN ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 33;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ QLNH, Vụ TDCNKT (10)

**Ký. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú